

BỘ CÔNG THƯƠNG**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2011/TT-BCT

*Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011***THÔNG TƯ****Quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính Phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định hướng dẫn điều kiện kinh doanh, chế biến nguyên liệu thuốc lá; điều kiện sản xuất sản phẩm thuốc lá; điều kiện nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá; quản lý đầu tư, sử dụng máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá, năng lực sản xuất, sản lượng sản phẩm thuốc lá; điều kiện kinh doanh sản phẩm thuốc lá; thẩm quyền, thủ tục, trình tự cấp các loại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến, Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá theo quy định

tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

2. Thông tư này không áp dụng đối với việc nhập khẩu sản phẩm thuốc lá, kinh doanh sản phẩm thuốc lá tại cửa hàng miễn thuế (Duty Free Shop).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá và các hoạt động khác có liên quan đến sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ quy định trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. “Doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá” là các tổng công ty sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm thuốc lá theo quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP.

2. “Bản sao” quy định trong Thông tư này được thể hiện bằng một trong các hình thức phù hợp với từng cách thức sau đây:

a) Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính);

b) Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

c) Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

Chương II

KINH DOANH NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Điều 4. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá

1. Điều kiện về chủ thể kinh doanh

Là thương nhân có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người

a) Diện tích của cơ sở kinh doanh nguyên liệu bao gồm khu phân loại, đóng kiện và kho nguyên liệu phải phù hợp với quy mô kinh doanh, có tổng diện tích không dưới 500m²;

b) Có kho riêng cho nguyên liệu thuốc lá. Kho phải có hệ thống thông gió và các trang thiết bị phù hợp yêu cầu bảo quản nguyên liệu thuốc lá bao gồm: các nhiệt kế, ẩm kế kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; phải có đủ các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;

c) Có hợp đồng với người lao động có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp để quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu.

3. Điều kiện về quy trình kinh doanh phù hợp với ngành, nghề mua, bán nguyên liệu thuốc lá

a) Điểm thu mua phải gắn biển hiệu ghi tên thương mại của thương nhân kinh doanh nguyên liệu thuốc lá;

b) Phải công khai tiêu chuẩn phân cấp nguyên liệu thuốc lá theo quy định hiện hành tại điểm thu mua nguyên liệu thuốc lá kèm theo mẫu lá thuốc lá nguyên liệu;

c) Phải có hợp đồng đầu tư trồng nguyên liệu thuốc lá với người trồng thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

4. Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ

Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá

Sở Công thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Sở Công thương) là cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá cho doanh nghiệp có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh mình.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác.

4. Bảng kê trang thiết bị: hệ thống thông gió, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, ẩm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá.

5. Bản kê danh sách lao động, bản sao hợp đồng lao động, chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật trồng thuốc lá đối với cán bộ quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu.

6. Bản sao hợp đồng đầu tư trồng nguyên liệu thuốc lá với người trồng thuốc lá.

Điều 7. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công thương xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

3. Lập và lưu giữ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá được lập thành 04 bản: 02 bản lưu tại Sở Công thương, 01 bản gửi Bộ Công thương, 01 bản gửi thương nhân được cấp.

Chương III CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Điều 8. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá

1. Điều kiện về chủ thể kinh doanh

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá;

b) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người

a) Diện tích của cơ sở chế biến nguyên liệu bao gồm khu phân loại, khu chế biến, đóng kiện và kho nguyên liệu phải phù hợp với quy mô kinh doanh, có tổng diện tích không dưới 5.000m²;

b) Có kho riêng cho nguyên liệu thuốc lá chưa chế biến và đã qua chế biến phù hợp với quy mô kinh doanh. Kho phải có hệ thống thông gió, các nhiệt kế, ẩm kế để kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí trong kho, các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; phải có đủ các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá được sắp xếp cách mặt nền tối thiểu 20cm và cách tường, cột tối thiểu 50cm;

c) Có dây chuyền máy móc thiết bị chuyên ngành đồng bộ tách cọng thuốc lá hoặc chế biến ra thuốc lá sợi, thuốc lá tẩm và các chế phẩm thay thế khác dùng để sản xuất ra các sản phẩm thuốc lá. Dây chuyền chế biến nguyên liệu phải được chuyên môn hóa, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động và vệ sinh môi trường;

d) Có các trang thiết bị kiểm tra để thực hiện đo lường kiểm tra chất lượng nguyên liệu trước và sau chế biến;

đ) Toàn bộ máy móc thiết bị phải có nguồn gốc hợp pháp;

e) Có hợp đồng với người lao động có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn về cơ khí, công nghệ và hóa thực phẩm.

3. Điều kiện về chất lượng và vệ sinh an toàn sản phẩm thuốc lá

Phải đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh theo tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở và quy định hiện hành về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Điều kiện về bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy nổ

Phải có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Điều kiện về quy trình kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh

a) Điểm thu mua phải gắn biển hiệu ghi tên thương mại của doanh nghiệp kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá;

b) Phải công khai tiêu chuẩn phân cấp nguyên liệu thuốc lá theo quy định hiện hành tại điểm thu mua nguyên liệu thuốc lá kèm theo mẫu lá thuốc lá nguyên liệu;

c) Phải có hợp đồng đầu tư trồng nguyên liệu thuốc lá với người trồng thuốc lá, hợp đồng mua nguyên liệu thuốc lá của thương nhân kinh doanh nguyên liệu thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

6. Điều kiện về địa điểm đặt cơ sở chế biến

Địa điểm đặt cơ sở chế biến phải phù hợp Chiến lược, Quy hoạch tổng thể ngành thuốc lá, Quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá

Bộ Công thương là cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này);

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

3. Bảng kê diện tích, sơ đồ nhà xưởng khu phân loại, khu chế biến, đóng kiện, kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác;

4. Bảng kê danh mục máy móc, thiết bị chuyên ngành đồng bộ của công đoạn chế biến nguyên liệu thuốc lá, thiết bị kiểm tra chất lượng nguyên liệu trước và sau chế biến, hệ thống thông gió, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, ẩm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng chống sâu mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá;

5. Hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của máy móc thiết bị;

6. Bản kê danh sách lao động;

7. Bản sao hợp đồng lao động kèm theo bản sao chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật trồng thuốc lá đối với cán bộ quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu;

8. Bản sao hợp đồng lao động có kèm theo bản sao bằng cấp được đào tạo về cơ khí, công nghệ và hóa thực phẩm đối với cán bộ chế biến nguyên liệu thuốc lá;

9. Bản sao hợp đồng đầu tư trồng nguyên liệu thuốc lá với người trồng thuốc lá, hợp đồng mua bán nguyên liệu với các thương nhân kinh doanh nguyên liệu thuốc lá;

10. Bản sao Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bản sao bản công bố tiêu chuẩn sản phẩm kèm theo Bản tiêu chuẩn cơ sở đã được công bố theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

Điều 11. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công thương xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu

của Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung.

3. Lập và lưu giữ Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá
Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá được lập thành 04 bản: 02 bản lưu tại Bộ Công thương, 01 bản gửi doanh nghiệp được cấp, 01 bản gửi Sở Công thương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở.

Chương IV

SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Điều 12. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

1. Điều kiện về chủ thể kinh doanh

Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và đang sản xuất sản phẩm thuốc lá trước thời điểm ban hành Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại thuốc lá trong giai đoạn 2000 - 2010.

2. Điều kiện về đầu tư và sử dụng nguyên liệu thuốc lá được trồng trong nước

a) Doanh nghiệp phải tham gia đầu tư trồng nguyên liệu thuốc lá dưới hình thức đầu tư trực tiếp hoặc liên kết đầu tư thông qua các thương nhân kinh doanh nguyên liệu thuốc lá có đầu tư trực tiếp trồng thuốc lá phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và Quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá được phê duyệt;

b) Phải sử dụng nguyên liệu thuốc lá được trồng trong nước để sản xuất sản phẩm thuốc lá theo kế hoạch hàng năm của Bộ Công thương, trừ trường hợp sản xuất sản phẩm thuốc lá nhãn quốc tế hoặc sản phẩm thuốc lá để xuất khẩu. Kế hoạch này được xác định phù hợp với Chiến lược, Quy hoạch tổng thể ngành thuốc lá Việt Nam, Quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá được phê duyệt.

3. Điều kiện về máy móc thiết bị

a) Có máy móc thiết bị chuyên ngành gồm các công đoạn chính: vắn điệu, đóng bao;

b) Trong công đoạn cuốn điệu, đóng bao, đóng tút doanh nghiệp phải sử dụng các máy cuốn, máy đóng bao, đóng tút tự động, trừ trường hợp sản xuất sản phẩm thuốc lá theo phương pháp truyền thống phải thao tác bằng tay;

c) Có các thiết bị kiểm tra tối thiểu để thực hiện đo lường, kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng như: trọng lượng điều, chu vi điều, độ giảm áp điều thuốc. Đối với các chỉ tiêu lý, hóa khác và chỉ tiêu vệ sinh thuốc lá, doanh nghiệp có thể tự kiểm tra hoặc thông qua các đơn vị dịch vụ có chức năng để kiểm tra. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ có hệ thống để theo dõi lâu dài;

d) Toàn bộ máy móc thiết bị để sản xuất sản phẩm thuốc lá phải có nguồn gốc hợp pháp.

4. Điều kiện về chất lượng và vệ sinh an toàn sản phẩm thuốc lá

Doanh nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh theo tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở và quy định về vệ sinh an toàn sản phẩm thuốc lá của Bộ Y tế.

5. Điều kiện về sở hữu nhãn hiệu hàng hóa

Doanh nghiệp phải có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hiệu hàng hóa đã được đăng ký và được bảo hộ tại Việt Nam.

6. Điều kiện về môi trường và phòng, chống cháy nổ

Có đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

Bộ Công thương là cơ quan cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất, trong đó nêu rõ chỉ tiêu sản lượng sản xuất đối với từng nhóm sản phẩm thuốc lá (sản lượng đã được quy đổi).

4. Bảng kê danh mục máy móc, thiết bị, năng lực sản xuất thuốc lá điều và năng lực từng công đoạn quy đổi ra bao 20 điều tính theo 03 ca/ngày cho 03 năm gần nhất. Hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của máy móc thiết bị.

5. Hợp đồng gia công chế biến sợi, hợp đồng dịch vụ kiểm tra chất lượng (nếu có).

6. Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác.

7. Bản sao Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bản sao bản công bố tiêu chuẩn sản phẩm kèm theo Bản tiêu chuẩn cơ sở đã được công bố theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

8. Bản sao các giấy tờ xác nhận quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm thuốc lá.

9. Bản sao hồ sơ chứng minh đầu tư phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá.

Điều 15. Trình tự cấp Giấy phép sản xuất thuốc lá

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công thương xem xét và cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Bộ Công thương sẽ có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung.

3. Lập và lưu giữ Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá được lập thành 04 bản: 02 bản lưu tại Bộ Công thương, 01 bản gửi doanh nghiệp được cấp, 01 bản gửi Sở Công thương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở.

Chương V

ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Điều 16. Năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá

1. Tổng năng lực sản xuất được quy định là năng lực sản xuất đồng bộ trong dây chuyền sản xuất sản phẩm thuốc lá (trong đó máy móc thiết bị chính vấn điều, đóng bao) và được tính cho 03 ca/ngày tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về chính sách quốc gia phòng chống tác hại thuốc lá trong giai đoạn 2000 - 2010.

2. Bộ Công thương công bố tổng năng lực sản xuất của từng doanh nghiệp làm cơ sở cho việc đầu tư, sản xuất sản phẩm thuốc lá, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá.

3. Doanh nghiệp chỉ được đầu tư tăng năng lực sản xuất trong trường hợp sản xuất sản phẩm thuốc lá để xuất khẩu; đối với thuốc lá tiêu thụ trong nước chỉ được sản xuất trong phạm vi tổng năng lực đã được xác định và công bố.

Hàng năm doanh nghiệp phải gửi báo cáo đầu tư năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá của đơn vị mình về Bộ Công thương.

Điều 17. Đầu tư sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu, gia công xuất khẩu, đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ, di chuyển địa điểm sản xuất theo quy hoạch

1. Chủ đầu tư gửi dự án đầu tư, văn bản xin ý kiến chấp thuận chủ trương đầu tư của Bộ Công thương. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, Bộ Công thương có văn bản trả lời, trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do.

2. Nội dung văn bản đề nghị bao gồm các nội dung: tên dự án, địa điểm, thông số kỹ thuật chủ yếu có liên quan, quy mô, sản lượng sản xuất, phương án xử lý các máy móc thiết bị được thay thế (nếu đầu tư thay thế).

3. Sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Công thương, doanh nghiệp triển khai thực hiện đầu tư theo trình tự và thủ tục về đầu tư và xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp phải báo cáo Bộ Công thương kết quả xử lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá đã thay thế trong quá trình đầu tư.

Điều 18. Đầu tư nước ngoài sản xuất sản phẩm thuốc lá

1. Chỉ cho phép doanh nghiệp nước ngoài đầu tư sản xuất sản phẩm thuốc lá trên cơ sở liên doanh, hợp tác với doanh nghiệp trong nước đã có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, không được đầu tư vượt quá năng lực sản xuất ghi trong Giấy phép và phải bảo đảm điều kiện Nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối trong vốn điều lệ của doanh nghiệp.

2. Đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh sản xuất sản phẩm thuốc lá

a) Các bên liên doanh gửi hồ sơ dự án thành lập liên doanh, hợp đồng liên doanh kèm theo văn bản đề nghị về Bộ Công thương.

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ và văn bản đề nghị của doanh nghiệp, Bộ Công thương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời doanh nghiệp;

b) Văn bản đề nghị bao gồm các nội dung: tên dự án, địa điểm, thông số kỹ thuật chủ yếu có liên quan, phạm vi và mục tiêu hoạt động, quy mô, sản lượng sản xuất từng loại sản phẩm thuốc lá, phương án đầu tư máy móc thiết bị và xử lý các máy móc thiết bị được thay thế;

c) Sau khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, các bên liên doanh mới được triển khai đăng ký thành lập liên doanh theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư.

3. Đầu tư nước ngoài theo hình thức hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp

a) Các bên gửi toàn bộ hồ sơ hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp kèm theo văn bản đề nghị về Bộ Công thương. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ và văn bản đề nghị của doanh nghiệp, Bộ Công thương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời doanh nghiệp;

b) Văn bản đề nghị bao gồm các nội dung chính của hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp; quy mô, sản lượng sản xuất từng loại sản phẩm thuốc lá, phương án đầu tư máy móc thiết bị và xử lý các máy móc thiết bị được thay thế (nếu có);

c) Sau khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, các bên mới được triển khai thực hiện hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp;

d) Doanh nghiệp hiện đang sản xuất sản phẩm thuốc lá theo hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp với nước ngoài phải gửi toàn bộ hồ sơ và văn bản đề nghị theo quy định tại điểm a, b khoản này về Bộ Công thương để xem xét xác định quy mô, sản lượng sản xuất từng loại sản phẩm thuốc lá.

4. Doanh nghiệp phải báo cáo Bộ Công thương kết quả xử lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá không còn sử dụng hoặc thanh lý khi đầu tư chiều sâu và chịu hoàn toàn trách nhiệm với việc xử lý này.

Điều 19. Sản lượng sản xuất sản phẩm thuốc lá

1. Doanh nghiệp không được sản xuất sản phẩm thuốc lá vượt quá năng lực sản xuất ghi trong Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

2. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá mang nhãn hiệu nước ngoài không được sản xuất vượt quá sản lượng được phép sản xuất.

3. Hàng năm doanh nghiệp phải gửi báo cáo thống kê sản lượng từng loại sản phẩm thuốc lá của đơn vị mình về Bộ Công thương.

Chương VI**NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH THUỐC LÁ,
NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ VÀ GIẤY CUỐN ĐIỀU THUỐC LÁ****Điều 20. Quản lý hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá và giấy cuốn điều thuốc lá**

1. Máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá và giấy cuốn điều thuốc lá là các loại hàng hóa nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Công thương.

2. Công ty mẹ được phép là đầu mối nhận và phân bổ nguyên liệu thuốc lá và giấy cuốn điều thuốc lá cho các đơn vị thành viên có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo chỉ tiêu nhập khẩu.

Điều 21. Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá, phụ tùng thay thế

1. Doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá được nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá và phụ tùng thay thế phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

2. Hồ sơ, thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá

a) Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ gồm bản sao dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bản sao công văn chấp thuận chủ trương đầu tư của Bộ Công thương (nếu có) và văn bản đề nghị nhập khẩu máy móc, thiết bị về Bộ Công thương;

b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của doanh nghiệp, Bộ Công thương có văn bản chấp thuận hoặc từ chối việc nhập khẩu máy móc, thiết bị của doanh nghiệp.

Điều 22. Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

1. Doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, được nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá và giấy cuốn điều thuốc lá để phục vụ cho hoạt động sản xuất sản phẩm thuốc lá.

2. Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá được phép nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến sợi thuốc lá cho các nhà máy có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận.

3. Chậm nhất vào ngày 10 của tháng 11 hàng năm, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến sợi thuốc lá phải gửi báo cáo nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước và chế biến sợi thuốc lá của năm sau về Bộ Công thương.

Báo cáo nêu rõ tình hình sản xuất kinh doanh, sản lượng sản xuất, tình hình nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá của năm báo cáo và dự kiến sản lượng sản xuất, nhu cầu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá của năm sau.

4. Đối với nguyên liệu thuốc lá nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan, doanh nghiệp gửi đơn đăng ký nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đến Bộ Công thương.

5. Căn cứ sản lượng sản xuất, báo cáo của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến sợi thuốc lá và khả năng đáp ứng nguyên liệu trong nước, tổng hạn ngạch thuế quan mặt hàng nguyên liệu thuốc lá, chậm nhất là ngày 15 tháng 12 hàng năm, Bộ Công thương sẽ có văn bản thông báo chỉ tiêu nhập khẩu đến các doanh nghiệp và cơ quan có liên quan.

6. Tổng hạn ngạch thuế quan mặt hàng nguyên liệu thuốc lá và chỉ tiêu phân bổ nhập khẩu cho từng doanh nghiệp sẽ được công khai trên trang tin điện tử của Bộ Công thương.

7. Nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá nhập khẩu chỉ được sử dụng để sản xuất sản phẩm thuốc lá theo kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp sản xuất hoặc để chế biến sợi theo hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận đã ký của doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều này, không được bán và tiêu thụ trên thị trường.

Điều 23. Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá

1. Chỉ các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn thuốc lá điều để thực hiện hợp đồng sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá.

2. Doanh nghiệp gửi hợp đồng sản xuất xuất khẩu hoặc hợp đồng gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá và văn bản đề nghị nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá đến Bộ Công thương. Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp, năng lực sản xuất của doanh nghiệp và hồ sơ liên quan, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và văn bản của doanh nghiệp, Bộ Công thương sẽ có văn bản thông báo kế hoạch nhập khẩu đến các doanh nghiệp và cơ quan có liên quan.

3. Nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá được nhập khẩu theo quy định tại Điều này chỉ được sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu

của doanh nghiệp, không được bán hoặc sản xuất thuốc lá để tiêu thụ trên thị trường Việt Nam.

Điều 24. Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; thực hiện hợp đồng gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài

1. Chỉ các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá mới được phép nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc thực hiện hợp đồng gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu.

2. Doanh nghiệp gửi hợp đồng chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc hợp đồng gia công xuất khẩu và văn bản đề nghị đến Bộ Công thương. Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp, năng lực sản xuất và hồ sơ liên quan, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và văn bản của doanh nghiệp, Bộ Công thương sẽ có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho doanh nghiệp thực hiện hợp đồng.

Chương VII

QUẢN LÝ SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH THUỐC LÁ

Điều 25. Sử dụng máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá

1. Doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá được sử dụng máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản xuất sản phẩm thuốc lá.

2. Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá được sử dụng máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá phù hợp công đoạn chế biến nguyên liệu thuốc lá.

3. Tổ chức, cá nhân không có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá không được sử dụng máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá dưới mọi hình thức.

Điều 26. Xử lý máy móc, thiết bị sản xuất sản phẩm thuốc lá không có nguồn gốc hợp pháp

1. Máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá bị coi là bất hợp pháp trong các trường hợp:

a) Nhập khẩu trước thời điểm ban hành Chỉ thị số 13/1999/CT-TTg ngày 12 tháng 5 năm 1999 không có các giấy tờ thủ tục nhập khẩu hợp lệ;

b) Nhập khẩu sau thời điểm ban hành Chỉ thị số 13/1999/CT-TTg ngày 12 tháng 5 năm 1999 có hiệu lực nhưng không có các giấy tờ thủ tục nhập khẩu hợp lệ và văn bản đồng ý của Bộ Công thương (hoặc Bộ Công nghiệp cũ).

2. Máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá không có nguồn gốc hợp pháp sẽ bị tịch thu và xử lý theo quy định của pháp luật. Việc xử lý máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá bị tịch thu được thực hiện theo quy định hiện hành và chỉ được phép bán lại cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

3. Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với những máy móc, thiết bị sản xuất sản phẩm thuốc lá không có nguồn gốc hợp pháp.

Điều 27. Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá

1. Doanh nghiệp chỉ được nhượng bán máy móc, thiết bị còn giá trị sử dụng cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, xuất khẩu hoặc tái xuất ra nước ngoài;

2. Máy móc, thiết bị không còn giá trị sử dụng phải được tiêu hủy dưới sự giám sát của Tổ giám sát tiêu hủy máy móc, thiết bị do Bộ Công thương thành lập;

3. Doanh nghiệp lập hồ sơ thanh lý máy móc, thiết bị cần thanh lý, kế hoạch thanh lý và văn bản đề nghị đến Bộ Công thương. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp, Bộ Công thương quyết định thành lập Tổ giám sát tiêu hủy máy móc, thiết bị;

4. Doanh nghiệp sau khi nhượng bán, thanh lý phải báo cáo về Bộ Công thương kết quả thực hiện.

Chương VIII

KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Điều 28. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá

Thương nhân được cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Điều kiện về chủ thể

Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký kinh doanh hoạt động mua, bán sản phẩm thuốc lá.

2. Điều kiện về địa điểm kinh doanh

Có địa điểm kinh doanh (bao gồm cả địa điểm bán lẻ - nếu có) cố định, địa chỉ rõ ràng, phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất và tài chính

a) Có kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho;

b) Có phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển;

c) Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của mình hoạt động bình thường.

4. Điều kiện về tổ chức hệ thống phân phối

Được doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc thương nhân bán buôn khác chọn làm thương nhân bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) và có hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá được tổ chức ổn định trên địa bàn.

Điều 29. Thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá

1. Đối với thương nhân bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) kinh doanh trên địa bàn từ hai (02) tỉnh trở lên: Bộ Công thương xét cấp;

2. Đối với thương nhân bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) kinh doanh trên địa bàn một (01) tỉnh: Sở Công thương nơi thương nhân có trụ sở chính xét cấp.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này);

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận mã số thuế (nếu có);

3. Văn bản giới thiệu của doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của thương nhân bán buôn khác (nếu được sự chấp thuận của doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá cho thương nhân này), trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

4. Phương án kinh doanh, gồm:

a) Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bản sao các hợp đồng mua bán (hoặc đại lý mua bán) với các doanh nghiệp bán hàng (nếu đã kinh doanh), trong đó nêu rõ: các số liệu tổng hợp về loại sản phẩm thuốc lá, giá mua, giá bán, số lượng và trị giá mua, bán (tổng số và phân chia theo doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá và theo địa bàn kinh doanh), các khoản thuế đã nộp, lợi nhuận...;

b) Dự kiến kết quả kinh doanh cho năm tiếp theo kể từ năm thương nhân xin cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá; trong đó nêu rõ: tên, địa chỉ của doanh nghiệp sẽ bán hàng cho mình, loại sản phẩm thuốc lá, giá mua, giá bán, số lượng và trị giá mua, bán (tổng số và phân chia theo doanh nghiệp bán hàng và theo địa bàn kinh doanh), các khoản thuế sẽ nộp, lợi nhuận...;

c) Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối;

d) Bảng kê cơ sở vật chất kỹ thuật (kho hàng, phương tiện vận chuyển...), nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình kinh doanh sản phẩm thuốc lá của mình...;

đ) Bảng kê Danh sách thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối của mình và các địa điểm bán lẻ (nếu có) của mình. Trong đó, bao gồm: tên thương nhân, địa chỉ trụ sở chính của thương nhân, địa chỉ cửa hàng bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá (nếu có), mã số thuế, bản sao Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh), địa bàn kinh doanh.

5. Tài liệu chứng minh năng lực của doanh nghiệp, gồm:

a) Hồ sơ về kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) bao gồm: quyền sử dụng kho (là sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm), địa điểm và dung tích kho, các trang thiết bị và kỹ thuật áp dụng để bảo đảm bảo quản được chất lượng sản phẩm thuốc lá trong thời gian lưu kho;

b) Hồ sơ về phương tiện vận chuyển bao gồm: quyền sử dụng phương tiện vận chuyển (là sở hữu, đồng sở hữu của thương nhân hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm), năng lực vận chuyển, các trang thiết bị và kỹ thuật áp dụng để bảo đảm bảo quản được chất lượng sản phẩm thuốc lá trong thời gian vận chuyển;

c) Hồ sơ về năng lực tài chính: xác nhận vốn tự có hoặc bảo lãnh của doanh nghiệp bán hàng hoặc của ngân hàng nơi thương nhân mở tài khoản... về việc bảo đảm tài chính cho toàn bộ hệ thống phân phối của mình hoạt động bình thường.

Điều 31. Trình tự cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá

1. Thương nhân bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) gửi 01 bộ hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp phép xem xét và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 9 kèm theo Thông tư này nếu thương nhân bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) kinh doanh trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên; hoặc theo mẫu của Phụ lục 10 kèm theo Thông tư này nếu thương nhân bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) kinh doanh trên địa bàn một tỉnh). Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Cơ quan cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

4. Lập và lưu giữ Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá

a) Đối với Giấy phép do Bộ Công thương cấp: Giấy phép được lập nhiều bản gồm: 03 bản lưu tại Cơ quan Bộ, 01 bản gửi Cục Quản lý Thị trường, gửi mỗi Sở Công thương có tên trong Giấy phép (địa bàn kinh doanh) và nơi thương nhân đóng trụ sở 01 bản và 01 bản gửi thương nhân được cấp;

b) Đối với Giấy phép do Sở Công thương cấp: Giấy phép được lập 05 bản: 02 bản lưu tại Sở Công thương, 01 bản gửi Chi cục Quản lý Thị trường thuộc Sở Công thương nơi cấp, 01 bản gửi Bộ Công thương và 01 bản gửi thương nhân được cấp.

Điều 32. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá

Thương nhân được cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Điều kiện về chủ thể

Thương nhân có Đăng ký kinh doanh hoạt động mua, bán sản phẩm thuốc lá.

2. Điều kiện về địa điểm kinh doanh

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất

Có khu vực bán sản phẩm thuốc lá riêng biệt.

4. Điều kiện về tổ chức hệ thống phân phối

Thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

Điều 33. Thẩm quyền, hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá

Phòng Công thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - sau đây gọi chung là Phòng Công Thương) nơi thương nhân đề nghị mở địa điểm kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá xét cấp.

Điều 34. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 11 kèm theo Thông tư này);
2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
3. Văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa điểm kinh doanh;
4. Tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp (các) địa điểm kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá của thương nhân.

Điều 35. Trình tự cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá

1. Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng Công Thương nơi thương nhân đề nghị mở địa điểm kinh doanh.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá (theo mẫu của Phụ lục 12 kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

4. Lập và lưu giữ Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá

Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá được lập thành 05 bản: 02 bản lưu tại Phòng Công Thương, 01 bản gửi Sở Công thương cấp

trên trực tiếp, 01 bản gửi Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương cấp trên trực tiếp và 01 bản gửi thương nhân được cấp.

Chương IX **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Điều 36. Chế độ báo cáo đối với Cơ quan quản lý nhà nước về công thương các cấp

Định kỳ 06 tháng, hàng năm Cơ quan quản lý nhà nước về công thương cấp dưới báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của thương nhân do mình cấp phép về Cơ quan quản lý nhà nước về công thương cấp trên trực tiếp chậm nhất là 20 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo.

Điều 37. Chế độ báo cáo đối với doanh nghiệp

1. Hàng quý, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá phải báo cáo về Bộ Công thương tình hình nhập khẩu và sử dụng máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá nhập khẩu trong kỳ.

2. Định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo tình hình, kết quả kinh doanh về Bộ Công thương chậm nhất là 10 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo.

3. Trong quá trình kinh doanh, nếu chấm dứt hợp đồng mua bán (hoặc đại lý mua bán); điều chỉnh (tăng, giảm) địa bàn kinh doanh đối với thương nhân thuộc hệ thống phân phối của mình, phải báo cáo về Bộ Công thương và Sở Công thương nơi thương nhân có trụ sở chính để làm thủ tục rút, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá của thương nhân đó; làm cơ sở để điều chỉnh, cấp bổ sung cho thương nhân khác khi cần thiết. Báo cáo phải gửi ngay sau khi doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá chấm dứt hoặc điều chỉnh hợp đồng với thương nhân bán buôn.

4. Đối với thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá

Định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo tình hình, kết quả kinh doanh và hệ thống phân phối (chi tiết từng địa điểm bán lẻ - nếu có) về Bộ Công thương và về Sở Công thương nơi thương nhân có địa bàn kinh doanh quy định tại Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu là thương nhân mua trực tiếp từ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá và bán trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên) hoặc về Sở Công thương (nếu là thương nhân bán trên địa bàn 01 tỉnh) nơi thương nhân có trụ sở chính quy định tại Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá chậm nhất là 10 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo.

5. Đối với thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo tình hình, kết quả kinh doanh và hệ thống phân phối (nếu có) của các địa điểm bán lẻ về Phòng Công Thương nơi cấp phép cho thương nhân chậm nhất là 10 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo.

Chương X

THỜI HẠN HIỆU LỰC; CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI, CẤP LẠI, THU HỒI VÀ LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN, GIẤY PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Điều 38. Thời hạn hiệu lực

Các loại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá có thời hạn hiệu lực là năm (05) năm kể từ ngày cấp.

Điều 39. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá; tổ chức, cá nhân phải lập 01 bộ hồ sơ gửi về Cơ quan quản lý nhà nước về công thương nơi cấp phép.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3. Thẩm quyền xét cấp theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên

liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 40. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá

1. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá hết thời hạn hiệu lực: trước thời hạn hết hiệu lực 30 ngày, tổ chức, cá nhân được cấp phép phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới theo hướng dẫn của Thông tư này gửi về Cơ quan quản lý công thương nơi cấp phép.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, tổ chức, cá nhân được cấp phép phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá đã cấp (nếu có).

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 41. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá

Tổ chức, cá nhân sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá trong trường hợp vi phạm các điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Lệ phí cấp phép

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

**Chương XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 43. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ Công nghiệp nhẹ theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm thuốc lá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá, hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

2. Vụ Thị trường trong nước theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá, hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

3. Cục Quản lý Thị trường theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

Tổ chức kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan về việc tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về

sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá, hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

4. Sở Công thương theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan trong tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá thuộc thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra Phòng Công thương trong việc cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá theo quy định tại Thông tư này;

c) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá, hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

5. Phòng Công thương theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá thuộc thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá, hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Sở Công thương tổ chức thực hiện Thông tư này; tổ chức cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá và kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh nguyên liệu thuốc lá và kinh doanh sản phẩm thuốc lá theo thẩm quyền.

Điều 44. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt

hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, làm trái hướng dẫn tại Thông tư này, tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2011.

2. Bãi bỏ Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

3. Trong quá trình thực hiện, các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phải báo cáo thường xuyên về Bộ Công thương kết quả tổ chức thực hiện và phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc để Bộ Công thương bổ sung, điều chỉnh.

Điều 46. Áp dụng quy hoạch

1. Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá được áp dụng chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Bộ Công thương xây dựng và phê duyệt Quy hoạch mạng lưới kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá trên phạm vi toàn quốc.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có kế hoạch xây dựng và hoàn thành Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên phạm vi thuộc tỉnh, thành phố quản lý trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 để triển khai hướng dẫn thương nhân thực hiện.

4. Quy hoạch mạng lưới kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá trên phạm vi toàn quốc được công bố công khai trên Webservice của Bộ Công thương và Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá trên phạm vi tỉnh, thành phố được công bố công khai trên Webservice của các Sở Công thương trước ngày 01 tháng 01 năm 2013./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hồ Thị Kim Thoa

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH THUỐC LÁ**I. DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ****A. Công đoạn chế biến lá**

1. Máy cắt đầu lá
2. Xy lanh làm ẩm
3. Hàm ủ lá (xy lô trữ và ủ lá)
4. Máy sấy lá (sấy, làm lạnh, làm dịu)
5. Hệ thống cân và đóng (ép) kiện lá

B. Công đoạn chế biến cọng

1. Xy lanh làm ẩm cọng lần 1
2. Xy lanh làm ẩm cọng lần 2
3. Hệ thống tước cọng, tách lá
4. Máy sấy cọng (sấy, làm lạnh, làm dịu)
5. Máy phân loại, làm sạch cọng
6. Hệ thống cân và đóng (ép) kiện cọng

II. DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN SỢI**A. Công đoạn lá**

1. Thiết bị hấp chân không
2. Máy cắt đầu lá
3. Xy lanh làm ẩm lá
4. Xy lanh gia liệu
5. Hàm ủ lá (xy lô trữ và ủ lá)
6. Thiết bị dò kim loại
7. Máy thái lá
8. Thiết bị trưng nở sợi
9. Thiết bị sấy lá (sấy, làm lạnh, làm dịu)
10. Hệ thống các cân định lượng

B. Công đoạn tách cọng

1. Máy tước cọng
2. Xy lanh gia ẩm cọng lần 1
3. Hàm ủ cọng (xy lô trữ và ủ cọng)
4. Xy lanh gia ẩm cọng lần 2
5. Thiết bị cán cọng
6. Máy thái cọng
7. Thiết bị trương nở cọng
8. Thiết bị sấy cọng
9. Thiết bị phân ly cọng
10. Hàm ủ cọng (xy lô ủ sợi cọng)
11. Hệ thống các cân định lượng

C. Công đoạn phối trộn sợi

1. Thiết bị phun hương
2. Hàm ủ sợi (xy lô ủ sợi)
3. Hệ thống vận chuyển sợi đến (bằng khí độc học hoặc cơ học)

III. DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN THUỐC LÁ TẨM VÀ CÁC CHẾ PHẨM THAY THẾ KHÁC DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM THUỐC LÁ**IV. MÁY MÓC THIẾT BỊ SẢN XUẤT THUỐC ĐIỀU****A. Công đoạn vắn điệu - ghép đầu lọc**

1. Máy vắn điệu
2. Máy ghép đầu lọc
3. Máy nạp khay

B. Công đoạn đóng bao

1. Máy đóng bao
2. Máy đóng bóng kính bao
3. Máy đóng tút
4. Máy đóng bóng kính tút
5. Máy đóng thùng carton.

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh (thành phố).....

Tên thương nhân:.....

.....

Trụ sở giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

.....

Địa điểm kinh doanh.....

.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp
 ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở Công thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá. Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Thương nhân
 (Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

**UBND TỈNH, TP...
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../CNĐDK-SCT

....., ngày.....tháng..... năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG.....

Căn cứ.....⁽¹⁾;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Xét đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá tại Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....⁽²⁾;

Theo đề nghị của⁽³⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận.....⁽²⁾

Trụ sở tại.....,

Điện thoại....., Fax.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đủ điều kiện để kinh doanh nguyên liệu thuốc lá các loại:.....⁽⁴⁾

Điều 2. Điều kiện kinh doanh

.....⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28

tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị đến hết ngày..... tháng.... năm...../.

Nơi nhận:

-⁽²⁾;
-⁽⁵⁾;
- Lưu VT,....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) - Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công thương.
- (2) - Tên thương nhân được cấp giấy chứng nhận.
- (3) - Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp giấy chứng nhận.
- (4) - Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá.
- (5) - Tên các tổ chức có liên quan.

Phụ lục 4

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Công thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi: Bộ Công thương

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Quyết định thành lập số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp
ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Bộ Công thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến
nguyên liệu thuốc lá các loại:.....

Năng lực chế biến.....

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, Thông
tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương
quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của
Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và các quy định pháp luật khác có liên
quan. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../CNĐDK-BCT

....., ngày.....tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Xét đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá tại Công văn số.....ngày.....tháng.....năm..... của.....⁽¹⁾;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nhẹ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận.....⁽¹⁾

Trụ sở tại.....;

Điện thoại....., Fax.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng.... năm.....

Đủ điều kiện để chế biến nguyên liệu thuốc lá các loại:.....⁽²⁾

Năng lực chế biến.....

Điều 2. Điều kiện sản xuất

.....⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị đến hết ngày..... tháng.....năm...../.

Nơi nhận:

-⁽¹⁾;
-⁽³⁾;
- Lưu VT, CNN.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Họ và tên

Chú thích:

- ⁽¹⁾ - Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận.
- ⁽²⁾ - Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá, năng lực chế biến.
- ⁽³⁾ - Tên các tổ chức có liên quan.

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Bộ Công thương

Tên doanh nghiệp:

.....

Trụ sở giao dịch:

Điện thoại:..... Fax:

.....

Địa điểm sản xuất

.....

Quyết định thành lập số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do..... cấp
ngày..... tháng..... năm

Đề nghị Bộ Công thương xem xét cấp Giấy phép sản xuất các loại sản phẩm
thuốc lá:.....

Sản lượng sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Công thương)*

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../GP-BCT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Xét đề nghị cấp giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá tại Công văn số... ngày... tháng..... năm..... của.....⁽¹⁾;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nhẹ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....⁽¹⁾
Trụ sở tại.....;
Điện thoại..... Fax.....;
Quyết định thành lập số:.... ngày..... tháng..... năm..... của.....
Cơ quan cấp trên trực tiếp:.....
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Doanh nghiệp được phép sản xuất các loại sản phẩm thuốc lá sau:.....⁽²⁾

Năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước được phép:.....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm...../.

Nơi nhận:

-⁽¹⁾;
-⁽³⁾;
- Lưu VT, CNN.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- ⁽¹⁾ - Tên tổ chức được cấp giấy phép.
- ⁽²⁾ - Ghi cụ thể các loại sản phẩm thuốc lá.
- ⁽³⁾ - Tên các tổ chức có liên quan.

Phụ lục 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN BUÔN
(HOẶC ĐẠI LÝ BÁN BUÔN) SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi:..... (1)

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:.....;

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp
ngày..... tháng..... năm.....;Đề nghị....⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn)
sản phẩm thuốc lá, cụ thể:**1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:**a) Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm
thuốc lá và của các thương nhân bán buôn có tên sau:.....⁽²⁾Được phép tổ chức hệ thống phân phối để kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc
lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:.....⁽³⁾b) Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm
thuốc lá và của các thương nhân bán buôn có tên sau:.....⁽²⁾Được phép tổ chức hệ thống phân phối để kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc
lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:.....⁽³⁾

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm sau đây:

(4)

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên Cơ quan cấp Giấy phép (là Bộ Công thương nếu kinh doanh từ 02 tỉnh trở lên; là Sở Công thương nếu kinh doanh trong 01 tỉnh).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(3): Ghi rõ các tỉnh, thành phố thương nhân xin phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../GP-BCT

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN BUÔN
(HOẶC ĐẠI LÝ BÁN BUÔN) SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá của.....⁽¹⁾;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....⁽¹⁾

Trụ sở tại.....,

Điện thoại....., Fax.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... do..... cấp ngày... tháng... năm...

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:

a) Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân bán buôn có tên sau:

.....⁽²⁾

Được phép tổ chức hệ thống phân phối để kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:

.....⁽³⁾

b) Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân bán buôn có tên sau:

.....⁽²⁾

Được phép tổ chức hệ thống phân phối để kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:

.....⁽³⁾

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm sau đây:

.....⁽⁵⁾

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng... năm...../.

Nơi nhận:

-⁽¹⁾;
-^(2,3);
- Lưu: VT,.....⁽⁴⁾.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- ⁽¹⁾: Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- ⁽²⁾: Ghi rõ tên các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá, các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- ⁽³⁾: Ghi rõ tên các tỉnh, thành phố thương nhân được phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá.
- ⁽⁴⁾: Tên các tổ chức có liên quan.
- ⁽⁵⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

**UBND TỈNH (TP)...
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-SCT

....., ngày.....tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN BUÔN
(HOẶC ĐẠI LÝ BÁN BUÔN) SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ.....⁽¹⁾;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007
của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng
Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng
7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn)
sản phẩm thuốc lá của.....⁽²⁾;

Theo đề nghị của.....⁽³⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....⁽²⁾

Trụ sở tại.....;

Điện thoại....., Fax.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng.....
năm....

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:

a) Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm
thuốc lá và của các thương nhân bán buôn có tên sau:

.....⁽⁴⁾

Được phép tổ chức hệ thống phân phối để kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:

.....⁽⁵⁾

b) Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân bán buôn có tên sau:

.....⁽⁴⁾

Được phép tổ chức hệ thống phân phối để kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:

.....⁽⁵⁾

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm sau đây:

.....⁽⁷⁾

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng... năm...../.

Nơi nhận:

-⁽²⁾;
-⁽⁴⁾;
- Lưu: VT,.....⁽⁶⁾.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở Công thương.
- ⁽²⁾: Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- ⁽³⁾: Tên cơ quan liên quan, đơn vị trình.
- ⁽⁴⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá, các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- ⁽⁵⁾: Ghi rõ tên tỉnh (thành phố) thương nhân được phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá.
- ⁽⁶⁾: Tên các tổ chức có liên quan.
- ⁽⁷⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN ⁽⁴⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ
(HOẶC ĐẠI LÝ BÁN LẺ) SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi:..... ⁽¹⁾

Tên thương nhân:..... ⁽⁴⁾

Trụ sở giao dịch:.....;

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....;

Đề nghị.....⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá, cụ thể:

1. Được mua của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá:

..... ⁽²⁾

2. Được bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm sau:

..... ⁽³⁾

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tên thương nhân⁽⁴⁾

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu - nếu có)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép (Phòng Kinh tế hoặc Phòng Công thương).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các điểm kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Cụm từ “Tên thương nhân” chỉ áp dụng trong trường hợp thương nhân là doanh nghiệp.

Phụ lục 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

UBND HUYỆN (QUẬN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Phòng.....⁽¹⁾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-P..⁽¹⁾

....., ngày.....tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ
(HOẶC ĐẠI LÝ BÁN LẺ) SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Căn cứ.....⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá của.....⁽³⁾;

Theo đề nghị của.....⁽⁴⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....⁽³⁾

Trụ sở (hoặc địa chỉ hộ khẩu thường trú) tại.....;

Điện thoại..... Fax.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... do... cấp ngày..... tháng..... năm.....

1. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....⁽⁵⁾

2. Được phép kinh doanh bán lẻ (đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm sau:.....⁽⁶⁾

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽³⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng... năm...../.

Nơi nhận:

-⁽³⁾;
-^(5,6);
- Lưu: VT,.....⁽⁷⁾.

*(Chức danh, Họ và tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu nếu có)*

Chú thích:

- (1): Phòng Kinh tế hoặc Phòng Công thương.
- (2): Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan cấp Giấy phép.
- (3): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (4): Tên cơ quan liên quan, đơn vị trình.
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (6): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (7): Tên các tổ chức có liên quan.